

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 09 - 6 - 2020

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung,
chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Bà Lý Thị Lệ Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Từ ngày 03 đến ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2020/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 76/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2020/QĐ-PT ngày 21/4/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 65A/2020/QĐ-PT ngày 12/5/2020, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2020/QĐ-TĐTT ngày 18/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 5, khu phố 2, phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1977 và ông Phùng Nguyễn M, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: Số 1173B khu phố 3, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. (Ông Long có mặt, ông Lập vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 115 (cũ 87), đường C, phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá H – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Điền. (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Tiến K, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị Giới, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ 6, thôn T, xã P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. (Vắng mặt)

- Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1961; Hộ khẩu thường trú: Số 173, W4, khu phố Long P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu; Địa chỉ liên lạc: Số 68, đường Trần Xuân Độ, khu phố Long P, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- Ông Mạc Đình C, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- Ông Đặng Đình N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 52, đường Trương Hán Siêu, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (Vắng mặt).

- Bà Mã Ngọc Dung, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 470, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- Ông Trịnh Xuân Đức, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 470/3 khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- Ông Đặng Văn Vinh, sinh năm 1980 – Chủ cửa hàng Hào Q; Địa chỉ: Số 13, đường Đ, phường N, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- Ông Phạm Mạnh Hùng, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Ngoan, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O và bị đơn ông Đặng Văn Q.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:* Bà và ông Q tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Toàn ngày 02/12/2004. Đến tháng 9/2013 bà phát hiện ông Q quen người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng ông Q vẫn quen người phụ nữ này. Tháng 10/2013 bà làm đơn yêu cầu ly hôn để ông Q sợ mà quay lại đoàn tụ gia đình nhưng ông Q không quay lại. Từ tháng 11/2013 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay bà không còn tình cảm gì với ông Q nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông Q có 03 con chung là Đặng Bình Minh, sinh ngày 10/2/2006; Đặng Hồng Nhật, sinh ngày 05/9/2007; Đặng Thanh Tuyền, sinh ngày 01/01/2010. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Minh và cháu Tuyền, ông Q trực tiếp nuôi cháu Nhật. Yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi cháu Tuyền mỗi tháng 1.500.000đ. Hiện nay bà làm nghề tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ.

- Về tài sản chung gồm:

+ Số tiền 1.326.199.543đ góp vốn và cho cửa hàng Hào Q vay, trong đó góp vốn là 650.000.000đ và cho vay là 516.008.000đ. Theo tổng kết dO số và lợi nhuận thì đến ngày 06/5/2012 số lợi nhuận là 160.191.534đ. Trong tổng số tiền này bà đã lấy 237.008.000đ để trả nợ cho ông Mạc Q Tuấn vì vợ chồng nợ ông Tuấn 200.000.000đ. Bà tự nguyện trừ số tiền này vào tài sản chung, số tiền còn lại 1.089.191.543đ ông Q giữ. Bà yêu cầu chia đôi số tiền này cho bà và ông Q mỗi người hưởng một nửa.

+ Yêu cầu ông Q phải thanh toán cho bà số tiền lợi nhuận và tiền lãi mà ông Q đã nhận từ cửa hàng Hào Q là 1.056.182.232đ, trong đó tiền lợi nhuận là 840.000.000đ và tiền lãi hàng tháng là 216.182.232đ, cụ thể:

Tiền lợi nhuận: Góp vốn vào cửa hàng Hào Q là 650.000.000đ, lợi nhuận từ cửa hàng tính từ ngày 09/01/2012 đến ngày 06/5/2012 là 160.191.534đ, nhưng bà chỉ tính lợi nhuận bình quân theo mức thấp nhất của tháng 5/2012 là 40.000.000 đồng/tháng, bà yêu cầu được chia 20.000.000đ. Thời gian tính lợi nhuận từ ngày 06/5/2012 đến tháng 11/2015 là 42 tháng \times 20.000.000đ = 840.000.000đ. Số tiền này hiện nay ông Q đang giữ nên yêu cầu thanh toán lại cho bà.

Tiền lãi: Tài sản chung của vợ chồng là 1.326.199.534đ : 2 = 663.099.561đ - 230.000.000đ (bà rút trả nợ ông Tuấn 200.000.000đ và chi tiêu 30.000.000đ) = 433.099.561đ, lãi suất tính từ ngày 06/5/2012 đến tháng 11/2015 là 42 tháng, lãi suất 1,2%/tháng (theo thỏa thuận) = 433.099.561đ \times 1,2% \times 42 tháng = 216.182.232đ.

+ Đối với thửa đất số 56 diện tích 193,8m² và thửa đất số 110 diện tích 334,3m², tờ bản đồ 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng, nhờ ông K và bà Giới đứng tên giữ, mục đích nhờ đứng tên giữ là để giảm thuế khi chuyển mục đích sử dụng đất ở vì ông K là thương binh. Khi đứng tên giữ thì ông K, bà Giới phải ký giả tạo hợp đồng vay tiền thể hiện vay của ông Q, bà O số tiền 500.000.000đ, hợp đồng có công chứng của Văn phòng công chứng Long Điền ngày 24/6/2013. Bà và ông Q phải trả thù lao cho ông K, bà Giới số tiền 60.000.000đ. Do cần tiền trả nợ và chi tiêu cho gia đình nên bà đã chuyển nhượng 02 thửa đất 56 và 110 này cho ông Phạm Mạnh Hùng và bà Nguyễn Thị Ngoan. Ông K, bà Giới ký tên chuyển nhượng là theo yêu cầu của bà. Số tiền chuyển nhượng của 02 thửa đất là 220.000.000đ, bà là người nhận tiền và đã trả nợ, chi tiêu cho gia đình hết. Nay 02 thửa đất này đã chuyển nhượng cho người khác không còn để phân chia.

- Về nợ chung:

+ Nợ vay của bà Lê Thị Kim P số tiền 100.000.000đ, đây là nợ chung của bà và ông Q.

+ Ngày 10/3/2011 bà vay của ông Nguyễn Văn Hiên và bà Hà Thị Hồng Vân số tiền 300.000.000đ, khi vay không lập giấy tờ mà thông qua chuyển khoản, vay để mua thửa đất số 314. Hiện nay đã trả hết nợ cho ông Hiên, bà Vân nên đề nghị không đưa những người này vào tham gia tố tụng.

+ Năm 2011, bà vay của ông Mạc Q Tuấn số tiền 200.000.000đ, vay để mua thửa đất số 314. Nay đã trả hết nợ cho ông Tuấn, số tiền trả cho ông Tuấn được lấy từ của hàng Hào Q là 237.008.000đ.

+ Ông Q cho rằng nợ tiền ông Mạc Đình C và ông Đặng Đình N thì bà không thừa nhận, vay như thế nào thì bà không biết, đây là nợ riêng của ông Q thì ông Q có trách nhiệm trả.

** Theo đơn yêu cầu phân chia tài sản và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Văn Q trình bày:* Xác nhận thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như bà O trình bày là đúng. Bà O yêu cầu ly hôn nhằm mục đích tẩu tán tài sản, vợ chồng sống chung chỉ có mâu thuẫn nhỏ nhưng bà O lại yêu cầu ly hôn. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau và cũng không còn tình cảm với nhau nên ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như bà O trình bày là đúng, kể từ tháng 8/2013 bà O yêu cầu ly hôn thì ông là người trực tiếp nuôi cả 03 con, sau này bà O mới nuôi cháu Minh, cháu Tuyền. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nhật và cháu Tuyền, đồng ý để bà O nuôi cháu Minh, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông là nhân viên của cửa hàng Hào Q thu nhập mỗi tháng từ 13 đến 14 triệu đồng.

- Về tài sản chung:

+ Bà O yêu cầu chia số tiền 1.326.199.000đ thì ông không đồng ý, vì: Vợ chồng góp vốn vào cửa hàng Hào Q 650.000.000đ, cho cửa hàng Hào Q vay là 516.008.000đ, tiền lợi nhuận tính đến ngày 06/5/2012 là 160.191.534đ, tổng số tiền là 1.326.199.000đ. Tuy nhiên bà O đã tự rút số tiền 237.308.000đ nên ông đã rút toàn bộ số tiền góp vốn và cho vay được thể hiện theo biên bản họp thành viên và biên bản rút vốn ngày 20/7/2012. Sau khi rút tiền, ông đã trả nợ cho ông C số tiền 250.000.000đ, trả nợ cho ông N số tiền 500.000.000đ, đưa cho bà O 29.000.000đ để mua thửa đất 315, đưa cho bà O 124.100.000đ để nuôi con, số tiền còn lại là 165.091.534đ ông đồng ý phân chia. Kể từ ngày 14/10/2013 thì chủ cửa hàng Hào Q là ông Đặng Văn Vinh.

+ Bà O yêu cầu ông phải thanh toán cho bà O số tiền 1.056.182.232đ thì ông không đồng ý, vì ngày 20/7/2012 ông đã rút toàn bộ tiền góp vốn và tiền cho cửa hàng Hào Q vay nên không còn tiền lợi nhuận trong cửa hàng.

+ Ông yêu cầu chia tài sản chung làm 02 phần bằng nhau đối với các thửa đất sau đây: Thửa số 55 diện tích 344,6m², thửa số 56 diện tích 193,8m² và thửa số 110 diện tích 334,3m² đều thuộc tờ bản đồ 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 938936 ngày 19/7/2013 và số BN 938935 ngày 19/7/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Long Điền cấp cho bà Nguyễn Thị Ngoan và ông Phạm Mạnh Hùng.

Nguồn gốc đất nêu trên như sau: Thửa 56 và thửa 110 do chưa có đất thổ cư, bà O có quen vợ chồng ông K, bà Giới là thương binh và nhờ đứng tên giùm để khi chuyển mục đích sử dụng thành đất thổ cư thì được miễn giảm thuế 80%. Sau khi hoàn tất thủ tục, vợ chồng ông đã trả thù lao cho ông K, bà Giới là 60.000.000đ. Ông đưa 4.000.000đ vào năm 2012, bà O đưa 20.000.000đ vào năm 2013, đến

khoảng năm 2016 bà O đưa số tiền còn lại cho vợ chồng ông K, bà Giới. Do sợ vợ chồng ông K chiếm đoạt hai thửa đất nêu trên nên vợ chồng ông có làm hợp đồng vay tiền không có công chứng ngày 24/6/2013 với nội dung vợ chồng ông K, bà Giới vay của ông và bà O số tiền 500.000.000đ.

Vào năm 2013, bà O đơn phương yêu cầu vợ chồng ông K, bà Giới chuyển nhượng hai thửa đất này cho bà Nguyễn Thị Ngoan và ông Phạm Mạnh Hùng và đã làm thủ tục sang tên. Việc chuyển nhượng này không thông qua ông nên ông không biết. Sau khi sang tên cho bà Ngoan, ông Hùng thì bà O làm đơn ly hôn. Khi tranh chấp tài sản ông mới biết bà O đã sang tên cho bà Ngoan, ông Hùng để tẩu tán tài sản.

- Về nợ chung: Bà O cho rằng nợ tiền ông Tuấn, ông Hiên và bà Vân là không đúng vì số nợ này ông không biết, ông cũng không vay tiền nên không chấp nhận số nợ này.

Năm 2009, vợ chồng ông vay của ông Mạc Đình C số tiền 250.000.000đ, có lập giấy vay tiền, mục đích vay để mua đất và kinh doanh vào cửa hàng Hào Q. Lúc vay cả 02 vợ chồng đi vay nhưng do ông C không có tiền nên hẹn hôm sau đến nhận. Vào ngày nhận tiền chỉ có mình ông. Hiện nay ông đã rút tiền góp vốn từ cửa hàng Hào Q để trả nợ cho ông C và đã trả xong.

Năm 2009, vợ chồng ông vay của ông Đặng Đình N số tiền 550.000.000đ, có lập giấy vay tiền, mục đích vay để mua đất và kinh doanh vào cửa hàng Hào Q. Khi vay có cả bà O, nhưng chỉ mình ông ký tên. Ông đã rút tiền góp vốn từ cửa hàng Hào Q để trả nợ cho ông N và đã trả xong.

Năm 2011, vợ chồng ông vay của bà Lê Thị Kim P số tiền 100.000.000đ, vay để mua đất và cho cửa hàng Hào Q vay lại. Hiện nay ông trả hết nợ cho bà P.

** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tiến K và bà Nguyễn Thị Giới trình bày:* Thửa đất số 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền mà hiện nay ông Q, bà O đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của bà O và ông Q. Vợ chồng ông K chỉ đứng tên giùm nhằm mục đích khi lên đất thổ cư sẽ được giảm 80%, vì ông K là thương binh, vợ chồng ông K được trả thù lao 60.000.000đ, bà O đã trả hết số tiền này cho vợ chồng ông. Để đảm bảo cho việc đứng tên giùm thì ông K, bà Giới phải ký giả tạo hợp đồng vay tiền, số tiền vay là 500.000.000đ. Việc chuyển nhượng đất cho ông Hùng, bà Ngoan là do bà O chủ động yêu cầu. Vợ chồng ông không biết giá chuyển nhượng bao nhiêu, bà O là người nhận tiền. Nay thửa đất đã sang tên cho người khác nên vợ chồng ông, bà không còn liên quan gì và không yêu cầu gì trong vụ án.

** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, ông Đặng Đình N trình bày:* Ông là chú ruột của ông Q, ông cho vợ chồng ông Q vay số tiền 550.000.00đ, hai bên có lập giấy vay tiền nhưng chỉ mình ông Q ký tên. Hiện nay ông Q đã trả lại cho ông toàn bộ số tiền này, ông không yêu cầu gì thêm.

** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, ông Đặng Đình C trình bày:* Ông là chú họ của ông Q, vợ chồng ông Q, bà O có vay của ông số tiền là 250.000.000đ, hai bên có lập giấy vay tiền nhưng chỉ có ông Q ký tên. Vào ngày 20/7/2012 ông Q đã trả cho ông toàn bộ số tiền này, ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, ông Trịnh Xuân Đ, bà Mã Ngọc D, ông Đặng Văn V trình bày:* Các ông, bà là thành viên góp vốn vào cửa hàng Hào Q. Vào năm 2012 bà O tự ý rút số tiền góp vốn là 237.308.000đ, ông Q rút tổng số tiền là 1.088.891.000đ. Kể từ năm 2012 thì ông Q không còn là thành viên góp vốn mà chỉ là nhân viên của cửa hàng.

** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bà Lê Thị Kim P trình bày:* Vợ chồng ông Q, bà O có vay của bà số tiền 100.000.000đ. Vào ngày 05/2/2017 ông Q đã trả đủ tiền gốc và lãi. Nay bà không còn yêu cầu gì.

** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngoan trình bày:* Vào ngày 24/6/2013 vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tiến K, bà Nguyễn Thị Giới thửa đất số 56, và 110 tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hợp đồng có công chứng theo quy định. Giá chuyển nhượng 02 thửa đất là 500.000.000đ nhưng ghi trong hợp đồng là 220.000.000đ, số tiền này ông K, bà Giới bảo giao cho bà Nguyễn Thị O và bà đã giao đủ. Việc chuyển nhượng đất, giao tiền đã thực hiện xong. Vợ chồng bà đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 thửa đất này. Qua yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Q thì vợ chồng bà không đồng ý.

** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện Long Điền trình bày:* Việc cấp giấy chứng nhận và giải quyết các thủ tục hành C liên quan đến thửa đất số 56, 110, tờ bản đồ 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền là đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại thời điểm giải quyết hồ sơ. Do đó, hiện nay ông Đặng Văn Q yêu cầu Tòa án giải quyết hủy 02 giấy chứng nhận quyền số BN 938935, số BN 938936 được Ủy ban nhân dân huyện Long Điền cấp ngày 19/7/2013 cho ông Phạm Mạnh Hùng, bà Nguyễn Thị Ngoan do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tiến K và bà Nguyễn Thị Giới là không có cơ sở.

** Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 76/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã quyết định như sau:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị O và ông Đặng Văn Q thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà O, ông Q: Giao cháu Đặng Bình Minh, sinh ngày 10/02/2006 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi; Giao cháu Đặng Hồng Nhật, sinh ngày 05/9/2007 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nhật đủ 18 tuổi; bà O, ông Q không phải cấp dưỡng.

Giao cháu Đặng Thanh Tuyền, sinh ngày 01/01/2010 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tuyền đủ 18 tuổi, ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tuyền mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi cháu Tuyền đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về chia tài sản:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà O, ông Q:

+ Ông Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà O số tiền 256.559.146đ.

+ Thừa đất số 55, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là tài sản chung được chia như sau:

Bà Nguyễn Thị O được quyền sử dụng diện tích đất 172,3m² (trong đó có 50m² đất thổ cư) thuộc một phần thửa đất 55, tờ bản đồ 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đất có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 45 kích thước 8,78m, phía Đông giáp phần phân chia cho ông Q, phía Nam giáp đường đi (kích thước 9,77m), phía Tây giáp thửa 56; có sơ đồ vị trí kèm theo. Giá trị đất được phân chia là 516.900.000đ.

Ông Đặng Văn Q được quyền sử dụng diện tích đất 172,3m² (trong đó có 50m² đất thổ cư) thuộc một phần của thửa 55, tờ bản đồ 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đất có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 45 kích thước 7,17m, phía Đông giáp thửa 110, phía Nam giáp đường đi kích thước 8,06m, phía Tây giáp đất phân chia cho bà O; có sơ đồ kèm theo. Giá trị đất được phân chia là 516.900.000đ.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, sang tên, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc: Yêu cầu ông Đặng Văn Q phải thanh toán tiền lợi nhuận 800.000.000đ, tiền lãi suất 209.990.136đ.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Q về việc: Yêu cầu chia thửa đất số 56 và số 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 938936 ngày 19/7/2013 và số BN 938935 ngày 19/7/2013 do UBND huyện Long Điền cấp, người đứng tên bà Nguyễn Thị Ngoan và ông Phạm Mạnh Hùng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo vẽ, định giá, án phí, lãi suất do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 10/12/2019 bà Nguyễn Thị O kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, cụ thể buộc ông Đặng Văn Q phải thanh toán tiền lợi nhuận 800.000.000đ, tiền lãi suất 209.990.136đ.

* Ngày 10/12/2019 ông Đặng Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xem xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thanh Tuyền để giao cháu Tuyền cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng; Buộc bà Nguyễn Thị O bồi thường thiệt hại theo giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường đối với thửa 56, 110 tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền.

* Ngày 27/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có quyết định kháng nghị số 53/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Ông Đặng Văn Q và bà Nguyễn Thị O mỗi người sẽ được hưởng 586.549.771 đồng từ tổng số tiền 1.326.199.543 đồng yêu cầu phân chia,

Chấp nhận yêu cầu chia thửa đất số 56/193,8m² và thửa số 110/334,3m², tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu của ông Đặng Văn Q,

Ông Đặng Văn Q và bà Nguyễn Thị O phải chịu án phí có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản thành tiền các bên được chia.

Giữ nguyên các phần khác của bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thay đổi yêu cầu kháng cáo về khoản lợi nhuận từ 800.000.000đ xuống còn 700.000.000đ, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về lãi suất; ông Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về chia tài sản chung và rút yêu cầu kháng về nuôi con. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O thay đổi một phần nội kháng cáo về số tiền lợi nhuận yêu cầu ông Q thanh toán từ 800.000.000 đồng xuống 700.000.000 đồng; ông Q rút một phần kháng cáo về quyền trực tiếp nuôi cháu Tuyền. Việc thay đổi nội dung kháng cáo của bà O và việc rút một phần kháng cáo của ông Q là tự nguyện nên chấp nhận.

- Về nội dung kháng cáo của bà O yêu cầu ông Q thanh toán số tiền lợi nhuận từ cửa hàng Hào Q tính đến ngày 31/3/2015 là 700.000.000 đồng và tiền lãi 209.990.136 đồng, thấy:

Bà O cho rằng số tiền chung của vợ chồng từ cửa hàng Hào Q tính đến ngày 06/5/2012 là 1.426.199.543 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng bà O vay của ông Tuấn nên sau khi bà O rút số tiền 237.008.000 đồng thì đến ngày 08/8/2012 số tiền chung còn ở cửa hàng Hào Q là 1.300.000.000 đồng được thể hiện ông Q đã trả lãi trên số tiền 1.300.000.000 đồng cho bà vào các tháng sau đó để bà nuôi con thể hiện tại bút lục số 23.

Xét thấy, trình bày của bà O về việc mượn ông Tuấn 100.000.000 đồng để cho cửa hàng Hào Q vay thì ông Q không thừa nhận, bà O không có chứng cứ để chứng minh. Bà O thừa nhận dòng chữ “*Tiền lãi 1.300.000.000 đồng*” và số “*1/2*” tại bút lục 23 là do bà O ghi. Ông Q cho rằng số tiền liệt kê tại bút lục 23 là tiền ông Q đưa cho bà O hàng tháng để nuôi con trong thời gian hai vợ chồng ly thân, mỗi tháng ông Q đều yêu cầu bà O ký nhận. Sau khi đưa lại tờ giấy ký nhận (BL 23) cho ông Q, bà O có ghi thêm dòng chữ “*Tiền lãi 1.300.000.000 đồng*” và số “*1/2*”.

Số tiền 1.300.000.000 đồng không phù hợp với kết quả khi đối trừ số tiền 1.426.199.543 đồng với số tiền 237.008.000 đồng do bà O rút trước đó và số tiền hàng tháng bà O nhận cũng không phù hợp với tiền lãi phát sinh hàng tháng với lãi suất 1.2%/tháng trên số tiền 1.300.000.000đ. Về thời gian bà O rút số tiền 237.008.000đ, tại phiên tòa bà O không thừa nhận rút vào ngày 26/6/2012 nhưng tại các bản khai và biên bản đối chất bà O đều thừa nhận rút số tiền này vào tháng 6/2012 phù hợp với nội dung cuộc họp thành viên của cửa hàng Hào Q vào ngày 20/7/2012. Việc ông Q không còn là thành viên của cửa hàng Hào Q từ ngày 20/7/2012 được tất cả các thành viên góp vốn của cửa hàng Hào Q nhất trí thông qua tại cuộc họp này. Như vậy không có căn cứ xác định ông Q vẫn còn là thành

viên của cửa hàng Hào Q tính đến ngày 31/3/2015 nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà O.

- Về nội dung kháng cáo của ông Q và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Về yêu cầu chia số tiền góp vốn, tiền cho cửa hàng Hào Q vay và tiền lợi nhuận từ cửa hàng Hào Q tính đến ngày 06/5/2012 với tổng tiền 1.326.199.543đ của bà Nguyễn Thị O: Trong tổng số tiền này, ông Q đang quản lý 1.088.891.000đ, bà O đang quản lý 237.008.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khoản ông Q vay năm 2009 của ông Đặng Đình An và ông Mạc Đình C là 750.000.000đ và không chấp nhận khoản nợ vay năm 2011 của ông Mạc Q Tuấn do bà O vay là nợ chung của vợ chồng là có căn cứ, phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 29.000.000đ và 124.100.000đ ông Q đưa cho bà O để nhận chuyển nhượng đất và nuôi con, bà O thừa nhận đã nhận số tiền này nên số tiền này phải được khấu trừ vào số tiền 1.326.199.543đ trước khi chia theo yêu cầu của bà O. Việc Tòa sơ thẩm không khấu trừ số tiền này mà lại khấu trừ số tiền 237.008.000đ bà O lấy để trả nợ riêng là không đúng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Q. Tại phiên tòa phúc thẩm bà O không thừa nhận đã nhận số tiền 40.600.000đ trong tổng số tiền 124.100.000đ do bà O không ký nhận và ông Q cũng đồng ý không đưa số tiền 40.600.000đ vào giải quyết. Cụ thể việc phân chia số tiền 1.326.199.543đ này như sau: $1.326.199.543đ - (29.000.000đ + (124.100.000đ - 40.600.000đ)) = 1.213.699.543đ$, đây là số tiền còn lại để phân chia. Ông Đặng Văn Q, bà Nguyễn Thị O mỗi người sẽ được hưởng $\frac{1}{2}$ số tiền này là 606.849.771đ. Bà O đã lấy số tiền 237.008.000đ, nên ông Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà O số tiền 369.841.771đ.

Về yêu cầu chia thửa đất 56/193,8m² và thửa đất 110/334,3m², tờ bản đồ 83 thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu của ông Đặng Văn Q: Ông Q, bà O đều thừa nhận hai thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng. Để được giảm thuế chuyển mục đích sử dụng đất, ông Q, bà O nhờ ông Nguyễn Tiến K, bà Nguyễn Thị Giới đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Tiến K là thương binh thuộc trường hợp được miễn giảm tiền chuyển mục đích sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O thừa nhận không hỏi ý kiến ông Q khi chuyển nhượng hai thửa đất này. Lý do, bà O chuyển nhượng đất là do ông Q không đưa tiền để nuôi con, trả tiền thuế chuyển mục đích sử dụng đất và trả tiền dịch vụ cho ông K, bà Giới, số tiền chuyển nhượng thửa đất 56 và 110 đã được bà O sử dụng hết cho chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Lời trình bày của bà O là không có căn cứ vì ông Q vẫn đưa tiền cho bà O nuôi con đến tháng 05/2013 (BL 23) và theo các biên lai đóng tiền học do ông Q cung cấp thì từ tháng 8/2013 ông Q là người trực tiếp nuôi ba con chung. Theo quy định tại điểm khoản 3 Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì việc chuyển nhượng hai thửa đất này phải có sự đồng ý của ông Q. Việc bà O tự ý định đoạt thửa đất 56 và 110 không thông qua ông Q làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Q. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q yêu cầu được sử dụng toàn bộ thửa đất 55, đối với thửa đất 56 và 110 thì chia cho bà O và có tính đến việc chênh lệch giá trị giữa các thửa đất. Bà O xác định việc chuyển nhượng đất cho ông Hùng, bà Ngoan là hợp pháp và đồng ý công nhận

quyền sử dụng đất thửa 56 và thửa 110 cho ông Hùng và bà Ngoan. Xét thấy, yêu cầu của ông Q là hợp tình, hợp lý phù hợp với nguyện vọng của bà O nên không cần thiết phải hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 24/6/2013 giữa bên chuyển nhượng ông Nguyễn Tiến K, bà Nguyễn Thị Giới và bên nhận chuyển nhượng ông Phạm Mạnh Hùng, bà Nguyễn Thị Ngoan đối với thửa đất 56/193,8m² và thửa đất 110/334,3m², tờ bản đồ 83 thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Về án phí sơ thẩm có giá ngạch: Ông Q, bà O phải chịu án phí trên số tài sản được chia theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

Ngoài ra, cũng tại phiên tòa phúc thẩm bà O cung cấp được biên lai nộp thuế và các chi phí khác khi nhờ ông K, bà Giới chuyển đổi mục đích sử dụng đất là 34.000.000 đồng, ông Q đồng ý chịu ½ số tiền này nên ghi nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của ông Q về quyền trực tiếp nuôi cháu Tuyên; Không chấp nhận kháng cáo của bà O; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Q; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị O:

- Về nội dung buộc ông Đặng Văn Q phải thanh toán tiền lợi nhuận là 800.000.000đ (tại phiên tòa phúc thẩm, bà O thay đổi yêu cầu là 700.000.000đ), thấy: Bà O yêu cầu tính từ ngày 6/5/2012 đến tháng 3/2015 là 35 tháng x 20.000.000đ = 700.000.000đ, ông Q không chấp nhận vì cho rằng ông đã rút toàn bộ vốn ra khỏi cửa hàng nên không còn lợi nhuận. Tại phiên tòa phúc thẩm bà O cung cấp danh sách người nộp thuế ngừng hoạt động (bản pho tô), theo bà O người nộp thuế là ông Đặng Văn Q ngừng nộp thuế ngày 31/3/2015. Ông Q cho rằng việc người có tên danh sách nộp thuế không ảnh hưởng đến phần vốn góp vào cửa hàng Hào Q vì thực tế bà O và ông đã rút hết toàn bộ vốn trong cửa hàng Hào Q từ ngày 20/7/2012. Căn cứ vào biên bản họp thành viên của cửa hàng Hào Q thể hiện ông Q đã rút toàn bộ vốn của vợ chồng với tổng số tiền 1.088.891.000đ vào ngày 20/7/2012, các thành viên của cửa hàng Hào Q là ông Vinh, ông Đức, ông Q, bà Dung đều xác nhận ông Q, bà O không còn vốn góp và không còn vốn cho cửa hàng Hào Q vay.

Như vậy kể từ ngày 20/7/2012 thì lợi nhuận từ cửa hàng không còn nữa, tiền lợi nhuận chỉ còn tháng 6 và tháng 7/2012, căn cứ vào lợi nhuận của 04 tháng trước là 160.191.534đ chia cho 04 tháng, bình quân mỗi tháng là 40.000.000đ, số tiền này ông Q nhận do vậy ông Q phải thanh toán cho bà O số tiền 40.000.000đ. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà O đối với số tiền 800.000.000đ là có căn cứ. Không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà O.

- Về nội dung yêu cầu tiền lãi suất của cửa hàng là 209.990.136đ: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O cho rằng số tiền chung của vợ chồng từ cửa hàng Hào Q tính đến ngày 06/5/2012 là 1.426.199.543đ, trong đó có 100.000.000đ bà O vay của ông Tuấn, sau khi bà rút 237.008.000đ tính đến ngày 08/8/2012 thì số tiền chung còn ở cửa hàng Hào Q là 1.300.000.000đ thể hiện tại giấy trả lãi hàng tháng tại bút lục số 23 nên việc ông Q cho rằng đã rút vốn khỏi cửa hàng Hào Q ngày 20/7/2012 là không đúng. Ông Q không thừa nhận vay của ông Tuấn 100.000.000đ như bà O trình bày mà tiền của ông và bà O còn lại tại cửa hàng Hào Q tính đến ngày 06/5/2012 là 1.326.199.543đ. Bà O không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà O và Q đã thừa nhận số tiền chung của vợ chồng từ cửa hàng Hào Q tính đến ngày 06/5/2012 là 1.326.199.543đ nên xác định số tiền này là có căn cứ.

Bà O xác nhận dòng chữ “*Tiền lãi 1.300.000.000 đồng*” và số “1/2” tại bút lục 23 là do bà O ghi và tiền số tiền liệt kê theo giấy tại bút lục 23 là tiền lãi ông Q giao. Ông Q cho rằng số tiền liệt kê tại bút lục 23 là tiền ông Q đưa cho bà O hàng tháng để nuôi con trong thời gian ông và bà O ly thân mà không phải là tiền lãi, mỗi lần đưa tiền ông đều yêu cầu bà O ký nhận, khi đưa lại tờ giấy ký nhận (BL 23) cho ông thì bà O ghi thêm dòng chữ “*Tiền lãi 1.300.000.000 đồng*” và số “1/2”. Xét nội dung này, thấy: Số tiền 1.300.000.000đ không phù hợp với kết quả khi đối trừ số tiền 1.426.199.543đ với số tiền 237.008.000đ do bà O rút trước đó, số tiền hàng tháng bà O nhận cũng không phù hợp với tiền lãi hàng tháng với lãi suất 1,2%/tháng trên số tiền 1.300.000.000đ như bà O trình bày. Do vậy trình bày của bà O nội dung này là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà O không thừa nhận rút số tiền 237.008.000đ vào ngày 26/6/2012 nhưng tại các bản khai và biên bản đối chất bà O đều thừa nhận rút số tiền này vào tháng 6/2012 phù hợp với nội dung cuộc họp thành viên của cửa hàng Hào Q ngày 20/7/2012. Ông Q không còn là thành viên của cửa hàng Hào Q từ ngày 20/7/2012 được tất cả các thành viên góp vốn của cửa hàng Hào Q nhất trí tại cuộc họp. Không có căn cứ xác định ông Q còn là thành viên của cửa hàng Hào Q đến ngày 31/3/2015 như bà O trình bày. Xác định tiền lãi chỉ còn tháng 6 và tháng 7/2012, ông Q là người nhận số tiền lãi của 02 tháng này, cụ thể: 516.008.000đ (tiền cho cửa hàng Hào Q vay) x 1,2% x 2 tháng = 12.384.192đ, mỗi người được hưởng 1/2, ông Q có trách nhiệm thanh toán lại cho bà O số tiền 6.192.096đ, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà O số tiền 209.990.136đ là có căn cứ. Không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà O.

[2] Xét kháng cáo của ông Đặng Văn Q:

- Về giao cháu Đặng Thị Thanh Tuyên cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q rút yêu cầu kháng cáo nội dung này nên đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo này của ông Q.

- Về chia tài sản chung: Tại đơn kháng cáo ông Q yêu cầu buộc bà O bồi thường thiệt hại theo giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường đối với thửa đất số 56 và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền. Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Q yêu cầu chia cho ông Hương thửa đất số 55, bà O hưởng thửa đất số 56 và thửa đất số 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn

Long Điền, huyện Long Điền, bà O có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch tài sản được hưởng, thấy: Việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông Q không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên chấp nhận để xem xét.

Ông Q và bà O đều xác nhận thừa đất số 55, 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền là tài sản chung của bà O và ông Q. Bà O chuyển nhượng thừa đất số 56 và 110 nêu trên cho bà Ngoan và ông Hùng trong khi hôn nhân giữa bà O và ông Q còn tồn tại. Tại tòa án cấp sơ thẩm, bà O cho rằng việc bà chuyển nhượng đất cho bà Ngoan và ông Hùng nêu trên ông Q có biết, ông Q không thừa nhận nên không chấp nhận yêu cầu của bà O về việc ông Q biết và đồng ý việc bà O chuyển nhượng thừa đất số 56 và 110 nêu trên cho bà Ngoan và ông Hùng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O xác nhận ông Q không biết khi bà chuyển nhượng hai thừa đất số 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền cho bà Ngoan và ông Hùng. Bà O cho rằng bà chuyển nhượng thừa đất số 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền cho bà Ngoan và ông Hùng là do ông Q không đưa tiền cho bà để nuôi con, trả tiền thuế chuyển mục đích sử dụng đất và trả tiền dịch vụ cho ông K, bà Giới, số tiền chuyển nhượng bà đã sử dụng hết cho chi tiêu vào nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Ông Q không đồng ý việc bà O chuyển nhượng đất thừa số 56 và 110 cho bà Ngoan và ông Hùng nêu trên. Theo quy định tại Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì việc định đoạt tài sản chung phải có sự bàn bạc thỏa thuận của vợ chồng. Bà O chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Ngoan và ông Hùng thừa đất số 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền nhưng không được sự đồng ý của ông Q nên bà O phải chịu trách nhiệm về việc chuyển nhượng đất này. Cần chia cho bà O hưởng quyền sử dụng đất thừa 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền; chia cho ông Q hưởng quyền sử dụng đất thừa 55, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền.

Do bà O đã chuyển nhượng thừa đất số 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền cho vợ chồng chị ruột là bà Ngoan và ông Hùng, các bên không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà O với bà Ngoan và ông Hùng, tại Tòa án cấp phúc thẩm ông Q và bà O xác nhận không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngoan ông Hùng, bà O đồng ý bà Ngoan và ông Hùng được quyền sử dụng đất. Do vậy bà O được hưởng giá trị quyền sử dụng đất thừa 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, bà O có nghĩa vụ trả cho ông Q giá trị tài sản chênh lệch được chia như sau:

Bà O hưởng thừa đất số 56 diện tích $193,8m^2$ và thừa đất số 110 diện tích $334,3m^2$, tổng cộng là $528,1m^2 \times 7.000.000đ/m^2 = 3.696.700.000đ$. Trừ tiền bà O đã trả cho ông Giới và bà K là $60.000.000đ$ và trừ số tiền bà O đã nộp tiền thuế chuyển mục đích sử dụng đất ở đối với thừa 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền là $34.770.000đ$. Giá trị còn lại bà O hưởng là $3.601.930.000đ$.

Ông Q hưởng thừa đất số 55, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền diện tích $344,6m^2 \times 7.000.000đ = 2.412.200.000đ$.

Giá trị chênh lệch giữa bà O và ông Q hưởng là $3.601.930.000đ - 2.412.200.000đ = 1.189.730.000đ$.

Bà O có nghĩa vụ trả cho ông Q giá trị tài sản chênh lệch là 1.189.730.000đ : 2 = 594.865.000đ.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện về quyền sử dụng đất theo bản án và theo quy định.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:

- Về nội dung ông Đặng Văn Q và bà Nguyễn Thị O mỗi người sẽ được hưởng 586.549.771đ từ tổng số tiền 1.326.199.543đ yêu cầu phân chia, thấy: Số tiền góp vốn vào Công ty Hào Q và lợi nhuận đến ngày 06/5/2012 là 1.326.199.543đ, ông Q quản lý 1.099.891.000đ, bà O quản lý 237.008.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q xác định trong tổng số tiền 124.100.000đ ông đưa cho bà O nuôi con thể hiện tại bút lục số 23 thì trong đó có 40.600.000đ bà O nhận tiền nhưng không ký tên (cụ thể: ngày 02/02/2013 là 10.000.000đ, ngày 02/3/2013 là 10.600.000đ, ngày 02/7/2013 là 10.000.000đ và ngày 02/8/2013 là 10.000.000đ), ông Q đồng ý không tính số tiền 40.600.000đ này vào tiền ông đã giao cho bà O nuôi con. Như vậy ông Q đưa cho bà O 29.000.000đ và 83.500.000đ để nhận chuyển nhượng đất và nuôi con, bà O thừa nhận có nhận số tiền này nên được trừ vào số tiền 1.326.199.543đ trước khi chia, được tính như sau: 1.326.199.543đ – (29.000.000đ + 83.500.000đ) = 1.213.699.543đ.

Ông Q và bà O mỗi người được chia là 1.173.099.543đ : 2 = 606.849.771đ.

Bà O đã rút 237.008.000đ nên ông Q có nghĩa vụ trả cho bà O 369.841.771đ. Chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

- Về nội dung chấp nhận yêu cầu chia thửa đất số 56/193,8m² và thửa số 110/334,3m², tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu của ông Đặng Văn Q, thấy: Như nhận định về phần yêu cầu của ông Q nêu trên, có căn cứ xác định thửa đất 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền là của ông Q và bà O, bà O chuyển nhượng cho bà Ngoan và ông Hùng nhưng không được sự đồng ý của ông Q, do vậy bà O phải chịu trách nhiệm về việc chuyển nhượng này.

Chia cho ông Q hưởng thửa đất số 55, bà O hưởng thửa đất số 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền.

Do bà O đã ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà Ngoan và ông Hùng, tại Tòa án cấp phúc thẩm ông Q không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngoan và ông Hùng đối với thửa đất số 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền; bà O, bà Ngoan và ông Hùng không tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 56 và 110, tờ bản đồ số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền nên không xem xét. Bà O được hưởng giá trị tài sản cao hơn nên phải thanh toán cho ông Q tiền giá trị chênh lệch được hưởng như đã nhận định tại phần kháng cáo của ông Q trong vụ án. Chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

- Về nội dung ông Đặng Văn Q và bà Nguyễn Thị O phải chịu án phí có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản thành tiền các bên được phân chia: Kháng nghị nội dung này là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Vụ án được thụ lý vào ngày 14/11/2013 nên căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/12/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tính án phí hôn nhân và gia đình; Ông Q yêu cầu chia tài sản chung thụ lý ngày 10/4/2017 nên căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tính án phí.

- Bà O phải chịu: Án phí hôn nhân và gia đình là 200.000đ và án phí có giá ngạch đối với giá trị tài sản chung được chia.

- Ông Q phải chịu: Án phí đối với giá trị tài sản chung được chia và 200.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà O phải chịu 300.000đ; ông Q không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 157, 165, 228, 266, điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 33, 35, 45, 51, 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, 30 pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của ông Đặng Văn Q về quyền trực tiếp nuôi con là Đặng Thanh Tuyền.

II. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị O; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đặng Văn Q; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu. Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 76/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” với bị đơn ông Đặng Văn Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị O và ông Đặng Văn Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị O và ông Đặng Văn Q về nuôi con chung là Đặng Bình Minh và Đặng Hồng Nhật như sau: Ông Đặng Văn Q được quyền trực tiếp nuôi con là Đặng Bình Minh, sinh ngày 10/02/2006; Bà Nguyễn Thị O được quyền trực tiếp nuôi con là Đặng Hồng Nhật, sinh ngày 05/9/2007. Bà

Nguyễn Thị O và ông Đặng Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con Đặng Bình Minh và Đặng Hồng Nhật.

+ Bà Nguyễn Thị O được quyền trực tiếp nuôi con là Đặng Thanh Tuyền, sinh ngày 01/01/2010. Ông Đặng Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đặng Thanh Tuyền hàng tháng mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con là Đặng Thanh Tuyền đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị O và ông Đặng Văn Q có nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở lợi ích của con, bà Nguyễn Thị O, ông Đặng Văn Q và cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung:

+ Bà Nguyễn Thị O được hưởng giá trị quyền sử dụng diện tích đất thửa số 56 và thửa số 110, tờ bản số 83, tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Bà Nguyễn Thị O đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngoan và ông Nguyễn Mạnh Hùng thửa đất số 56 và 110, tờ bản số 83, tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu và đã sang tên quyền sử dụng đất cho bà Ngoan và ông Hùng thửa số 56 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 938936 ngày 19/7/2013 và thửa số 110 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 938935 ngày 19/7/2013. Các bên không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà O với bà Ngoan, ông Hùng nêu trên và không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vụ án nên không xét).

+ Ông Đặng Văn Q được quyền sử dụng diện tích đất 344,6m² thửa số 55, tờ bản số 83, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chỉnh lý về quyền sử dụng đất theo bản án và theo quy định của pháp luật.

+ Bà Nguyễn Thị O có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Văn Q số tiền 798.942.950đ (Bảy trăm chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi đồng), gồm các khoản: 594.865.000đ giá trị chênh lệch tài sản chung là quyền sử dụng đất được chia và 204.077.950đ tiền giá trị thu hồi đất.

+ Ông Đặng Văn Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị O số tiền 395.733.867đ (Ba trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng), gồm các khoản: 40.000.000đ tiền lợi nhuận từ cửa hàng Hào Q; 349.541.771đ tiền hưởng từ số tiền gửi cửa hàng Hào Q; 6.192.096đ tiền lãi từ cửa hàng Hào Q.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc: Yêu cầu ông Đặng Văn Q phải thanh toán tiền lợi nhuận từ cửa hàng Hào Q là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng); tiền lãi suất từ cửa hàng Hào Q là 209.990.136đ (Hai trăm lẻ chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng).

3. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị O có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn Q 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền ông Q trả nợ thay cho bà O đối với khoản nợ bà Lê Thị Kim P.

4. Về chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm:

- Chi phí đo vẽ, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, sao lục hồ sơ là 9.147.128đ (chín triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm hai mươi tám đồng), ông Đặng Văn Q và bà Nguyễn Thị O mỗi người phải chịu 1/2 số tiền này nhưng ông Q đã nộp tạm ứng. Bà Nguyễn Thị O có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Văn Q số tiền 4.573.564đ (Bốn triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi tư đồng).

- Chi phí đo vẽ, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, sao lục hồ sơ đối với các thửa đất 315, 314, 713, 1231 là 32.852.872đ (Ba mươi hai triệu tám trăm năm mươi hai ngàn tám trăm bảy hai đồng): Ông Đặng Văn Q phải chịu và đã nộp xong.

5. Chi phí định giá tại Tòa án cấp phúc thẩm là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng): Ông Đặng Văn Q tự nguyện chịu và đã nộp xong.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

7. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị O phải chịu: 200.000đ án phí Hôn nhân và gia đình; 104.278.000đ án phí về giá trị tài sản chung được chia. Tổng cộng là 104.478.000đ. Được trừ 15.260.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 021165 ngày 31/10/2013 và 21.850.000đ theo biên lai thu số 0005509 ngày 19/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Bà O còn phải nộp 67.368.000đ (Sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

- Ông Đặng Văn Q phải chịu: 104.478.000đ án phí về giá trị tài sản chung được chia và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 104.778.000đ. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 21.150.000đ theo biên lai thu số 00710 ngày 03/6/2014 và 5.000.000đ theo biên lai thu số 0004314 ngày 05/4/2017 và 10.163.000đ theo biên lai thu số 0008115 ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Ông Q còn phải nộp 68.465.000đ (Sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

8. Án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu 0003167 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà O đã nộp đủ.

- Ông Đặng Văn Q không phải chịu. Hoàn trả cho ông Q 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003160 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TP Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tâm

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Ngọc Thiện Lý Thị Lệ Thủy

Trương Văn Tâm